TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 7 - ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 75/2025/DS-ST
Ngày: 30/9/2025
V/v Tranh chấp Hợp đồng cho thuê tài chính

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:*

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Bùi Thị Kim Xuyến

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Bạch Linh

2. Bà Chung Thị Thu Nguyệt

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Huỳnh Thị Diễm Quỳnh - Thư ký Toà án nhân dân Khu vực 7 - Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7 - Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương - Kiểm sát viên.

Trong ngày 23/9/2025 và ngày 30/9/2025, tại Phòng xử án Toà án nhân dân Khu vực 7 - Đồng Tháp xét xử công khai vụ án sơ thẩm thụ lý số: 171/2025/TLST-DS ngày 22/4/2025 về việc "Tranh chấp Hợp đồng cho thuê tài chính" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 45/2025/QĐXXST-DS ngày11/8/2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 159/2015/QSĐST-DS ngày 04/9/2025, giữa:

1. Nguyên đơn: Công ty C1.

Địa chỉ: Tầng I – 27 – 28 – 29, Saigon Trarde Cent

Người đại diện theo pháp luật: Ông C, Y – C, chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền Ông C, Y – C: Bà Diệp Yến B, chức vụ: Trưởng phòng Thu hồi Công nợ. (Văn bản ủy quyền số 01.2025/GUQ-COL ngày 02/01/2025)

Người đại diện theo ủy quyền của bà Diệp Yến B: Ông Trịnh Thanh T, chức vụ: Nhân viên phòng Thu hồi công nợ; Địa chỉ: Tầng G, khu V, phường H, quận C, TP Cần Thơ (nay là: Phường H, TP Cần Thơ). (Văn bản ủy quyền số 468.2025/GUQ-COL ngày 02/4/2025)

2. Bị đơn: Anh Lê Văn E, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Số H, ấp H, xã T, tỉnh Đồng Tháp.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Nguyễn Thoại A, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Số A, ấp B, xã T, tỉnh Tây Ninh.

3.2. Anh Lê Quang P, sinh năm 2005.

Địa chỉ: Ấp T, xã B, tỉnh Đồng Tháp.

Có mặt: Anh Trịnh Thanh T.

Vắng mặt: Ông Lê Văn E, bà Nguyễn Thoại A, anh Lê Quang P.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn có người đại diện theo ủy quyền là anh Trịnh Thanh T trình bày:

Do có nhu cầu mua xe nên ông Lê Văn E đề nghị Công ty C1 (viết tắt là Công ty C1) tài trợ tài chính nên hai bên đã ký kết Hợp đồng cho thuê tài chính số I231003406 ký ngày 16/10/2023 (*sau đây gọi tắt là "Hợp đồng thuê"*). Theo đó, tài sản mà ông E có nhu cầu thuê tài chính là: Xe ô tô con, hiệu HUYNDAI, biển số: 50H – 259.18. (*Sau đây gọi tắt là "Tài sản thuê"*).

Cùng ngày 16/10/2023, để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán tiền thuê của ông E theo Hợp đồng thuê, Công ty C1 chấp nhận Thư bảo lãnh cá nhân của bà Nguyễn Thoại A và ông Lê Quang P. Theo đó, trường hợp ông E không thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền thuê theo Hợp đồng thuê thì bà A và ông P cam kết sẽ thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền thuê thay ông E.

Để thực hiện hợp đồng cho thuê tài chính nêu trên, Công ty C1 đã ký hợp đồng mua bán số I231003406-PC ngày 16/10/2023 để mua tài sản nêu trên và cho chính ông E thuê lại tài sản này. Đây là hình thức cho thuê tài chính theo quy định của pháp luật và ông E đã ký Biên bản bàn giao và nghiệm thu tài sản vào ngày 26/10/2023 để xác nhận về việc đã nghiệm thu tài sản.

Giá mua tài sản là 673.000.000 đồng, Công ty C1 tài trợ 673.000.000 đồng. Thời hạn thuê của Hợp đồng thuê là 84 tháng, bắt đầu từ ngày 26/10/2023 đến ngày 25/10/2030. Lãi suất thuê là lãi suất thả nổi được tính dựa trên lãi suất tiêu chuẩn VND của Công ty C2 với biên độ là 5.85%. Theo đó, mức lãi suất tạm tính tại ngày bắt đầu thuê là là 9%/năm.

Hằng tháng, ông E phải thanh toán cho Công ty C1 tiền thuê bao gồm một phần Vốn gốc và khoản tiền lãi thuê được tính trên dư nợ giảm dần cho đến khi trả đủ số tiền Vốn gốc mà Công ty C1 đã tài trợ cùng với các khoản lãi theo Hợp đồng thuê. Trước khi ông E trả hết toàn bộ Vốn gốc cùng các khoản lãi, Công ty C1 vẫn là chủ sở hữu của Tài sản thuê và là người đứng tên trên toàn bộ các hóa đơn, chứng từ, các giấy tờ pháp lý khác liên quan đến quyền sở hữu, v.v. đối với tài sản thuê. Căn cứ theo các quy định pháp luật hiện hành và Điều 6 của Hợp đồng thuê, nếu ông E vi phạm nghĩa vụ thanh toán Tiền thuê, hay vi phạm bất cứ một điều khoản hoặc điều kiện nào của Hợp đồng thuê hoặc bị mất khả năng thanh

toán, Công ty C1 đều có quyền chấm dứt Hợp đồng thuê trước thời hạn, thu hồi Tài sản thuê và yêu cầu ông E bồi thường thiệt hại (nếu có).

Đến kỳ thanh thoán ngày 25/07/2024, ông E đã không thanh toán cho Công ty C1 đúng hạn. Mặc dù Công ty C1 đã cố gắng liên hệ, nhắc nợ nhiều lần để yêu cầu thanh toán nhưng vẫn không nhận được sự hợp tác từ ông E. Ngày 13/9/2024, Công ty C1 đã phát hành Thông báo chấm dứt Hợp đồng thuê và thu hồi Tài sản thuê do ông E vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền thuê quy định tại Điều 6 của Hợp đồng thuê. Theo đó yêu cầu ông E thanh toán tổng số tiền còn thiếu theo Hợp đồng thuê tính đến ngày 13/9/2024 (ngày chấm dứt Hợp đồng) là 871.914.398 đồng *(T1 trăm bảy mươi mốt triệu, chín trăm mười bốn nghìn, ba trăm chín mươi tám đồng)*. Kể từ ngày Công ty C1 đã phát hành Thông báo chấm dứt Hợp đồng thuê và thu hồi Tài sản thuê, ông E chỉ thanh toán cho Công ty C1 được 5.000.000 đồng *(năm triệu đồng)*. Đồng thời, ông E cũng không bàn giao tài sản thuê cho Công ty C1. Điều này đã xâm phạm nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty C1.

Do đó, Công ty C1 khởi kiện yêu cầu:

- Ông Lê Văn E thanh toán cho Công ty C1 số tiền thuê còn nợ (tạm tính đến ngày 14/3/2025) là 890.295.069 đồng, trong đó: Nợ gốc là 603.304.760 đồng; nợ lãi trong hạn và các khoản phải thu khác: 263.609.638 đồng; nợ lãi quá hạn tính đến 14/3/2025 là 23.380.671 đồng.

- Buộc Ông Lê Văn E thanh toán cho Công ty C1 tiền lãi chậm trả phát sinh từ ngày 15/3/2025 tính trên nợ gốc với mức lãi suất quá hạn thỏa thuận trong hợp đồng cho thuê tài chính cho đến khi thanh toán xong nợ gốc.

- Trường hợp ông Lê Văn E không thanh toán đầy đủ số tiền nêu trên thì buộc ông E giao trả tài sản thuê là xe ô tô con, hiệu HUYNDAI, biển số: 50H-259.18 cho Công ty C1 để thanh lý, cấn trừ vào số tiền thuê còn nợ.

- Trường hợp ông Lê Văn E không giao trả tài sản thuê hoặc số tiền thu được từ việc xử lý tài sản thuê không đủ để thanh toán số tiền còn nợ, buộc bà Nguyễn Thoại A và ông Lê Quang P có trách nhiệm liên đới thanh toán cho Công ty C1 toàn bộ số tiền còn nợ theo các thư bảo lãnh cá nhân mà ông bà đã ký.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Lê Văn E trình bày: Ông Lê Văn E vắng mặt tại các phiên làm việc, hòa giải, phiên tòa xét xử sơ thẩm và không có văn bản ý kiến.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

- Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, số tiền thuê còn nợ tạm tính đến ngày 23/09/2025 là 918.162.391 đồng, giữ nguyên các yêu cầu khởi kiện khác.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7- Đồng Tháp phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Từ khi thụ lý đơn yêu khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án dân sự cũng như tại phiên tòa Thẩm phán

và Thư ký đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, bà Thoại A đã chấp hành pháp luật đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Ông E, anh P vắng mặt không lý do đã không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Lê Văn E thanh toán cho Công ty C1 số tiền tính đến ngày 23/9/2025 là 918.162.391 đồng và tiếp tục tính lãi, phí từ ngày 24/9/2025 cho đến khi thanh toán xong nghĩa vụ. Trường hợp ông Lê Văn E không thanh toán đầy đủ số tiền nêu trên thì buộc ông E giao trả tài sản thuê; trường hợp ông Lê Văn E không giao trả tài sản thuê hoặc số tiền thu được từ việc xử lý tài sản thuê không đủ để thanh toán số tiền còn nợ, buộc bà Nguyễn Thoại A và ông Lê Quang P có trách nhiệm liên đới thanh toán cho Công ty C1 toàn bộ số tiền còn nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật: Theo đơn khởi kiện, Công ty C1 yêu cầu ông Lê Văn E có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty C1 số tiền 890.295.069 đồng theo Hợp đồng cho thuê tài chính ngày 16/10/2023 khoản 3 Điều 26 Bộ Luật tố tụng dân sự xác định thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án và quan hệ pháp luật là: Tranh chấp Hợp đồng cho thuê tài chính.

[1.2] Về thẩm quyền:

Bị đơn ông Lê Văn E cư trú tại: Số H, ấp H, xã L, huyện L, tỉnh Đồng Tháp nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự (viết tắt BLTTDS).

Sau khi sáp nhập đơn vị hành chính thì địa chỉ là: Số H, ấp H, xã T, tỉnh Đồng Tháp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 7 - Đồng Tháp theo quy định tại số thứ tự 105, mục 10 Phụ lục kèm theo Nghị quyết số 81/2025/UBNTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban thường vụ Quốc hội và điểm b khoản 1 Điều 5, điểm a khoản 2 Điều 6 của Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

[1.3] Sự vắng mặt của bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Công ty C1 là người khởi kiện đã cung cấp đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú của người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo địa chỉ được ghi trong hợp đồng bằng văn bản. Theo Công văn số 53/CAX ngày 29/4/2025 cung cấp thông tin, ông E có đăng ký cư trú tại địa chỉ nguyên đơn cung cấp, nên Tòa án tiến hành niêm yết tống đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn theo quy định

tại Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Như vậy, Tòa án tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm nhưng ông E, anh P vắng mặt không lý do, bà A có đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 13/8/2025. Do đó Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông E, bà A, anh P theo quy định tại các Điều 228, 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Nội dung vụ án:

[2.1] Yêu cầu và nghĩa vụ chứng minh:

Công ty C1 khởi kiện yêu cầu ông E có nghĩa vụ thanh toán số tiền thuê còn lại là 918.162.391 đồng, trong đó: Nợ gốc là 603.304.760 đồng, nợ lãi trong hạn và các khoản phải thu khác 263.609.638 đồng, nợ lãi quá hạn tính đến ngày 23/9/2025 là 51.247.993 đồng, yêu cầu tiếp tục tính lãi theo thỏa thuận và yêu cầu xử lý tài sản nếu bị đơn không thực hiện nghĩa vụ, yêu cầu người liên quan thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh nếu bị đơn không thực hiện nghĩa vụ và không giao xe ô tô để thanh lý. Nguyên đơn có giao nộp tài liệu, chứng cứ và tham gia các phiên làm việc tại Tòa án để bảo vệ yêu cầu khởi kiện của mình.

Đối với bị đơn ông E, bà A, anh P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia các phiên làm việc, thẩm định tại chỗ, hòa giải và được thông báo kết quả phiên họp về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ nhưng không tham gia tố tụng. Đối với bà A đã được Tòa án nhân dân khu vực 5 – Tây Ninh tiến hành lập biên bản lấy lời khai vào ngày 13/8/2025, bà A cho rằng không ký thư bảo lãnh, Tòa án đã hướng dẫn rõ về yêu cầu giám định trong Biên bản lấy lời khai: "*Tòa án ấn định cho bà thời hạn 15 ngày, kể từ ngày 13/8/2025 để bà liên hệ với Tòa án nhân dân Khu vực 7 – Đồng Tháp để được hướng dẫn thủ tục trưng cầu giám định. Trường hợp đồng hết thời hạn, bà không thực thực hiện theo hướng dẫn thì Tòa án nhân dân Khu vực 7 – Đồng Tháp tiếp tục giải quyết vụ án*". Tuy nhiên, hết thời gian nêu trên, bà A đã không tiến hành thực hiện thủ tục yêu cầu trưng cầu giám định. Như vậy, việc bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không tham gia tố tụng, không cung cấp văn bản ý kiến, tài liệu, chứng cứ là xem như từ bỏ quyền chứng minh, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình theo quy định tại khoản 2, Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Do đó, Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để xem xét giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

[2.2] Xác lập giao dịch cho thuê tài chính:

Theo Hợp đồng cho thuê tài chính số I231003406 ngày 16/10/2023, Hợp đồng mua bán tài sản I231003406-PC cùng ngày 16/10/2023; Thông báo bắt đầu thuê và Biên bản bàn giao và nghiệm thu tài sản ngày 16/10/2023; Văn bản chứng nhận đăng ký biện pháp bảo đảm, thông báo xử lý tài sản bảo đảm ngày 26/10/2023 của Trung tâm đăng ký giao dịch tài sản tại thành phố Hồ Chí Minh

và Công ty C1 đã hoàn tất nghĩa vụ tài chính đối với Công ty Cổ phần H, có Hóa đơn giá trị gia tăng ngày 18/10/2023, chứng nhận đăng ký xe ô tô tên chủ xe là Công ty C1. Việc xác lập giao dịch dân sự giữa Công ty C1 và ông E, bà A, anh P đã hoàn thành các thủ tục, dựa trên cơ sở tự nguyện, không trái pháp luật, đạo đức xã hội, tuân thủ các quy định pháp luật về hình thức và nội dung nên được thừa nhận và bảo vệ, là căn cứ phát sinh quyền và nghĩa vụ dân sự theo quy định pháp luật, do đó có giá trị ràng buộc trách nhiệm của các bên tham gia.

[2.3.] Thực hiện Hợp đồng:

Theo Hợp đồng cho thuê tài chính số I231003406 ngày 16/10/2023, tổng giá trị là 672.500.000 đồng, tài sản thuê là Ô tô con, hiệu Hyundai, biển số: 50H-259.18, ngày thanh toán tiền thuê: Ngày 25 hàng tháng, lãi suất thuê từ kỳ đầu đến kỳ thứ 6 là: 365 ngày 9.12%/năm, 360 ngày 9%/năm, từ kỳ thứ 7 trở đi: Lãi suất tiêu chuẩn của Công ty C1 + Biên độ dao động 8.15%. Công ty C1 đã giao xe cho ông E theo Thông báo bắt đầu thuê và Biên bản bàn giao và nghiệm thu tài sản ngày 16/10/2023.

Đối với ông E:

- Hàng tháng ông E phải thanh toán cho Công ty C1 tiền thuê bao gồm một phần vốn gốc và khoản tiền lãi thuê được tính trên dư nợ giảm dần cho đến khi trả đủ số tiền vốn gốc, trong thời hạn 84 tháng, kể từ ngày 26/10/2023.

- Sau khi ký Hợp đồng cho thuê tài chính, ông E đã thực hiện nghĩa vụ thanh toán đến ký thành toán ngày 25/6/2024, tổng số tiền vốn đã trả được là 64.195.240 đồng, theo Hóa đơn giá trị gia tăng của Công ty C1 (bút lục 60 – 72). Đến kỳ thanh thoán ngày 25/07/2024, ông E vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Ngày 13/9/2024, Công ty C1 có Thông báo số 01.2024/TB-LVE, chấm dứt Hợp đồng thuê và thu hồi tài sản. Đến ngày 16/9/2024, ông E thanh toán 5.000.000 đồng theo Hóa đơn giá trị gia tăng ngày 23/9/2024 (bút lục 73). Do ông E không thực hiện nghĩa vụ thanh toán là vi phạm khoản 4.2 Điều 4 Hợp đồng cho thuê tài chính ngày 16/10/2023, Công ty C1 căn cứ vào điểm 6.1.1 Điều 6 Hợp đồng cho thuê tài chính Thông báo chấm dứt hợp đồng trước hạn là đúng theo quy định tại Điều 21 Nghị định số 39/2014/NĐ-CP ngày 07/5/2014 của Chính phủ quy định về hoạt động của Công ty C1 và công ty C1 thuê tài chính (viết tắt Nghị định 39 của Chính phủ).

[2.4.] Hậu quả của việc chấm dứt hợp đồng trước thời hạn theo thỏa thuận trong Hợp đồng cho thuê tài chính và theo quy định pháp luật:

Theo đó, khoản 6.1 Điều 6 Hợp đồng cho thuê tài chính quy định Chấm dứt Hợp đồng thuê quy định: *"... Bên Thuê phải thanh toán ngay một lần cho CILC toàn bộ các khoản tiền chưa trả dù chưa đến hạn (sau đây gọi là "các khoản nợ")..."* và khoản 6.2 Điều 6 nêu trên quy định *" Bên thuê còn phải thanh toán thêm lãi chậm trả được tính bằng tiền lãi thuê trên số vốn gốc và thuế GTGT (nếu có) còn lại theo mức lãi suất bằng 150% Lãi suất thuê..."*. Các quy định về hậu quả chấm dứt hợp đồng cho thuê trước hạn phù hợp với quy định pháp luật về xử lý hợp đồng cho thuê tài chính chấm dứt trước hạn quy định tại Điều 22 Nghị định

số 39 của Chính phủ. Từ ngày 16/9/2024 đến nay, Công ty C1 cho rằng ông E không thanh toán thêm khoản nghĩa vụ nào khác và ông E không có ý kiến phản đối.

Do đó, Công ty C1 khởi kiện yêu cầu ông Lê Văn E có nghĩa vụ thanh toán số tiền thuê còn lại là 918.162.391 đồng tính đến ngày 23/9/2025 là ngày xét xử sở thẩm, trong đó: Nợ gốc là 603.304.760 đồng, nợ lãi trong hạn và các khoản phải thu khác 263.609.638 đồng, nợ lãi quá hạn tính đến ngày 23/9/2025 là 51.247.993 đồng (kèm theo Bảng kê các khoản phải thu tính đến ngày 23/9/2025) và buộc ông E thanh toán cho Công ty C1 tiền lãi chậm trả phát sinh từ ngày 24/9/2025 tính trên nợ gốc với mức lãi suất quá hạn thỏa thuận trong hợp đồng cho thuê tài chính cho đến khi thanh toán xong nợ gốc là có căn cứ và phù hợp nên chấp nhận.

Trường hợp ông Lê Văn E không thanh toán đầy đủ số tiền nêu trên thì buộc ông E giao trả tài sản thuê là xe ô tô con, hiệu HUYNDAI, biển số: 50H-259.18 cho Công ty C1 để thanh lý, cấn trừ vào số tiền thuê còn nợ là phù hợp với thỏa thuận tại khoản 6.2 Điều 6 Hợp đồng cho thuê tài chính quy định: *"... Nếu bên thuê không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ các khoản nợ, Bên Thuê phải hoàn trả Tài sản thuê cho CILC..."* và đúng với quy định tại khoản 1 Điều 22 Nghị định 39 của Chính phủ nên chấp nhận yêu cầu này của Công ty C1.

Đối với nghĩa vụ của người bảo lãnh:

- Công ty C1 có cung cấp hai Thư bảo lãnh của bà Nguyễn Thoại A và anh Lê Quang P. Công ty C1 trình bày việc ký bảo lãnh do khách hàng tự nguyện thực hiện để được hưởng chính sách ưu đãi của Công ty. Nhân viên phụ trách hồ sơ đã thực hiện hồ sơ đúng quy định, anh Lê Quang P ký thư bảo lãnh tại Công ty TNHH H, bà Nguyễn Thoại A ký thư bảo lãnh tại nhà bà A theo địa chỉ 1, ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Long An. Nhân viên thu thập đầy đủ thông tin cá nhân của người thực hiện bảo lãnh là Căn cước công dân. Như phân tích tại mục [2.1] người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan từ bỏ quyền chứng minh theo quy định BLTTDS nên phải tự chịu hậu quả pháp lý.

- Theo khoản 9.1 Điều 7 và Phần 3 phụ lục số 1 Hợp đồng thuê, bên thuê đã lựa chọn biện pháp bảo đảm là T2 ký cược bảo đảm và thư bảo lãnh cá nhân. Theo đó, bà Nguyễn Thoại A và anh Lê Quang P đã đồng ý bảo lãnh cá nhân cho nghĩa vụ của ông Lê Văn E, xác lập bằng Thư bảo lãnh cá nhân ngày 16/10/2023. Do đó, Công ty C1 yêu cầu: Trường hợp ông Lê Văn E không giao trả tài sản thuê hoặc số tiền thu được từ việc xử lý tài sản thuê không đủ để thanh toán số tiền còn nợ, buộc bà Nguyễn Thoại A và ông Lê Quang P có trách nhiệm liên đới thanh toán cho Công ty C1 toàn bộ số tiền còn nợ theo các thư bảo lãnh cá nhân mà ông bà đã ký là phù hợp và đúng với quy định tại Điều 292, 293, Điều 335, 338, 342 Bộ luật Dân sự 2015định về biện pháp bảo đảm nghĩa vụ và bảo lãnh.

[3] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7 – Đồng Tháp đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp nên chấp nhận.

[4] Về án phí:

Công ty C1 không phải chịu tiền án phí sơ thẩm, được nhận lại 19.354.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0007451 ngày 21/4/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lấp Vò.

Ông Lê Văn E phải chịu 39.544.872 đồng (làm tròn 39.545.000 đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm của số tiền 918.162.391 đồng.

Bà Nguyễn Thoại A, anh Lê Quang P không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày theo quy định tại Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 147, 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 292, 293, Điều 335, 338 và Điều 342 Bộ luật Dân sự 2015của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 39/2014/NĐ-CP ngày 07/5/2014 của Chính phủ quy định về hoạt động của Công ty C1 và công ty cho thuê tài chính.

Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQHĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm Tòa án nhân dân Tối cao.

Căn cứ Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty C1.

1.1 Buộc ông Lê Văn E thanh toán Công ty C1 số tiền thuê còn nợ tính đến ngày 23/9/2025 là 918.162.391 đồng (Chín trăm mười tám triệu, một trăm sáu mươi hai nghìn, ba trăm chín mươi mốt đồng) trong đó: Nợ gốc là 603.304.760 đồng, nợ lãi trong hạn và các khoản phải thu khác là 263.609.638 đồng, nợ lãi quá hạn là 51.247.993 đồng.

1.2 Buộc ông Lê Văn E thanh toán cho Công ty C1 tiền lãi chậm trả từ ngày 24/9/2025 đến khi thanh toán xong nghĩa vụ trên nợ gốc với mức lãi suất quá hạn thỏa thuận trong Hợp đồng cho thuê tài chính số I231003406 ngày 16/10/2023.

1.3. Trường hợp ông Lê Văn E không thanh toán đầy đủ số tiền nêu trên thì buộc ông E giao trả tài sản thuê là xe ô tô con, hiệu HUYNDAI, biển số: 50H-259.18 cho Công ty C1 để thanh lý, cấn trừ vào số tiền thuê còn nợ. Nếu xử lý tài sản không đủ để thu hồi nợ thì ông Lê Văn E có nghĩa vụ tiếp tục thanh toán cho đến khi trả xong nợ cho Công ty C1.

1.4. Trường hợp ông Lê Văn E không giao trả tài sản thuê hoặc số tiền thu được từ việc xử lý tài sản thuê không đủ để thanh toán số tiền còn nợ, buộc bà Nguyễn Thoại A và ông Lê Quang P có trách nhiệm liên đới thanh toán cho Công ty C1 toàn bộ số tiền còn nợ của ông Lê Văn E.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

2.1 Công ty C1 không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm, được nhận lại 19.354.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0007451 ngày 21/4/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lấp Vò.

2.2. Ông Lê Văn E phải chịu 39.545.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

2.3 Bà Nguyễn Thoại A và anh Lê Quang P không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo:

3.1 Công ty C1 có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

3.2 Ông Lê Văn E, bà Nguyễn Thoại A, anh Lê Quang P có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ bản án được tống đạt hợp lệ hoặc được niêm yết.

4. Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND Khu vực 7- Đồng Tháp;
- Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp;
- Phòng THADS KV7 – Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, VT (kx).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Thị Kim Xuyến